

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BẢO RA NGÀY 1<sup>o</sup> VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc  
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo  
Quản-lý : Cung-dinh-Bình

Chánh chủ-bút: Phan-chung-Thứ  
Sư cụ chùa Bằng-Sở  
Phó chủ-bút: Dương-vân-Hiền  
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIA BAO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

# THỜI SỰ

## Tình hình thế-giới gần đây

### ÂU CHÂU

Quân Đức đã tiến sát kinh thành Moscow, chính Nga cũng nhận rằng tình-hình thủ-đô rất nguy-ngập. Sự-quân các nước đã dời đi nơi khác. Staline cũng đã dự bị thiên-đô.

Leningrad vẫn bị bao vây, quân Lỗ đồng-minh Đức đã chiếm được Odessa.

Trước tình hình nghiêm trọng của Nga, dân lao-động Anh đã động lòng phẫn vật, yêu cầu chính-phủ Anh đem quân đổ bộ sang phía tây Âu để chia lực lượng quân Đức và đòi chính-phủ Churchill từ chức. Còn Mỹ thì nói đã gửi nhiều chiến cụ sang giúp Nga và đã chuẩn y đạo luật lập khế-giới vào lâu trước.

### Á CHÂU

Ở Viễn đông thì nội các Cận-vệ Nhật-bản loàn thê từ chức, nội các Đông-điền lên thay là một nội-các rất cương quyết, nội các đã tuyên bố hể sức thân-thiện với Trung, Đức, Ý và làm cho cuộc chiến-tranh ở Trung-hoa chóng kết liễu.

### TIN TRONG NƯỚC

Trong nước ta thì chận bão và mưa mới rồi làm cho mùa màng tai hại, nhất là vùng Nghệ-kinh, cái nạn ngập lụt lại càng ghê gớm, giá gạo kém và khó dong, kiếm được bát gạo ăn đã thấy chật vật lắm.

### NGƯỜI CÓ DUYỆT

(Một tin thực đáng ghi trong lòng tịnh-độ)

Cụ phó Kinh tên chính là Nguyễn ngọc Oanh, sinh trưởng tại làng Liễu-tràng tỉnh Hải dương, ngụ phố Cờ-lễ Nam-định, thọ 63 tuổi. Cụ vốn người minh-mẫn,

Xem trang bìa 3

# THIÊN - ÁC

Nam-mô A-di-đà-Phật  
Thư liệt-vị Giáo-hữu

Theo trong luật Phật dạy, thì ngày hôm nay là ngày chư Phật hoan-hỷ, chúng tăng tạ-từ; mà lại là ngày «Vu-lan-đại-hội» ta thường gọi là ngày (Xá-tội-vong-nhân.)

Riêng tôi chẳng biết có nhân-duyên gì mà lại được hội kiến cùng liệt vị ở trước bảo-toạ Như-lai, để đàm luận một vấn-đề trong Phật giáo. Tôi tự xét thấy tôi hèn học kém không biết nói thế nào để cho sững-đáng với tấm lòng vị đạo của liệt-vị đã vứt bỏ cái thì giờ vàng bạc, cũng nhau đến lễ Phật nghe giảng ngày hôm nay.

Thư liệt-vị giáo-hữu.

Hôm nay gọi là ngày Vu-lan đại-hội, song nói về hai chữ «Vu-lan» chắc cũng ít người hiểu nghĩa. Bởi thế nên trước khi nói đến đầu-đề, tôi xin nói qua về nghĩa hai chữ Vu-lan để liệt vị được rõ

Vu-lan chính tiếng Phạm là «Ullambana» cho nên nhà tân-dịch bên Tàu phải đọc là «ô-lam-bê-noa» 烏藍婆拏 mới đúng âm, nhưng trong kinh phần nhiều viết là Vu-lan. Vu-lan Tàu dịch là «Đảo-huyền 倒懸», nghĩa là những kẻ có tội bị treo ngược khổ-sở, mà cần phải làm đàn đề lễ-độ. Phép làm đàn Vu-lan thì nhằm vào ngày đêm tháng bảy thiết trai-nghi cúng dàng Phật với chư-tăng, vì ngày hôm ấy là ngày an-cư-xong, thì phần nhiều chư-vị chuyên-tâm tu hành trong ba tháng hạ đặc-đạo, cho nên cúng trai-nghi ngày hôm ấy được nhiều phúc hơn, mà kẻ có của cúng dàng cũng được mãn lòng sở-nguyện vậy

1. Bài của sư ông Hưng-hóa diễn tại chùa Cả chi hội Phật-giáo Nam-định ngày đêm tháng 7 năm Tân-ty (6 Septembre 1941)

Đàn V.1-lan này khởi đầu từ ngài Mục-liên, vì muốn cứu mẹ thoát khỏi địa-ngục. nên theo lời Phật dạy mà làm ra. Về nước lâu đến đời vua Lương-Vũ-Đế niên hiệu Đại-dồng năm thứ tư mới lập đàn này.

Chúng ta sở dĩ ngày hôm nay đến đây chỉ lễ Phật cầu nguyện cho chư-vị vong-giả được siêu-sinh, cũng là theo ở đây.

Đứng trước cảnh tượng này, chúng ta cũng tự nhận thấy rằng: Đời người mà không phân biệt được thiện-ác rõ-ràng, thì không tài nào tránh khỏi tội-lỗi, mà sự hành-vi hàng ngày của người ta cũng không ra ngoài hai điều là thiện và ác, cho đến các tôn-giáo ở trên hoàn-cầu, giáo-lý dù cao-siêu đến bậc nào, cũng không ngoài cái tôn-chỉ dạy người bỏ ác làm lành, cũng vì lẽ ấy, nên hôm nay tôi xin hầu truyền các ngài về vấn-đề «Thiện-ác».

Thiện là điều tốt điều hay, phạm làm việc gì cho tâm thanh minh sáng-suốt và có lợi cho người, thì gọi là thiện.

Ác là điều xấu điều dở, phạm làm việc gì mờ-ám, và hại đến người, thì gọi là ác.

Hai chữ thiện-ác theo như các tôn-giáo thì thiện ác là do người tạo tác, còn quyền ban phúc giáng họa là do một đấng chúa-lẽ là ông Trời, Như Nho-giáo nói: «Thiên đạo phúc thiện họa dâm, 天道福善禍淫 nghĩa là «Trời ban phúc cho kẻ lành và giáng họa cho kẻ dâm-ác» Lão-giáo nói: «Thiên võng khổi-khổi, sơ nhi bất lậu, 天網恢恢 - 疎而不漏 nghĩa là lưới trời lồng-lộng thưa mà không lọt» Đại-ý là kẻ có tội không thể tránh khỏi lưới trời.

Đạo Phật tuy cũng nói: Người ta làm lành, thì được hưởng quả lành, làm ác thì phải chịu quả xấu, nhưng đó là do cái nghiệp của mình đã làm ra, thì mình phải chịu, chứ không phải ai có quyền ban phúc giáng họa cho mình;

Về bên Nho-giáo ông Mạnh-tử với ông Tuân-tử có bàn về vấn-đề đó. Ông Mạnh tử nói: người ta «tính bản thiện» Trái lại, ông Tuân-tử nói: người ta «tính bản ác».

Ông Mạnh - tử nói thế, là ý ông nói người ta ai cũng có lương tâm, thì bất cứ một ai, thấy đứa trẻ bị sa xuống giếng cũng phải động lòng trắc-ân, như thế thì người ta «tính bản thiện» là phải. Nhưng tôi thấy ở đời phần nhiều người khi còn nhỏ đã được học đạo của thánh-hiền đến khi học thành tài, được cử ra làm quan, lại làm nhiều điều bất-thiện. Như vậy tôi thiết tưởng người ta đã sẵn có tính thiện, lại được học đạo của thánh-hiền để bồi đắp cho cái tính thiện ấy được tăng lên mới phải, làm sao lại có cái ác phát ra? Như thế thì có lẽ thuyết «tính bản ác» của ông Tuân-tử cũng phải. Song đã là chân-lý thì không bao giờ có hai lý phải đi đôi, chỉ bởi một lý-thuyết cao siêu, mà người ta chưa tìm thấy.

Theo như Phật-giáo thì người ta ngoài hai cái tính thiện và ác ra, còn có tính nữa gọi là «vô-ký», nghĩa là không nhất định thiện hay ác.

Về môn Duy-thức có chia ra làm ba tính, song đó chỉ là cái vọng-hiện ở trong tâm, chứ thực ra thì chân-tâm người ta không có ba tính ấy. Tại sao lại bảo là vọng-hiện? Vì khi tính ác sinh ra, thì tính thiện diệt mất; khi tính thiện sinh ra, thì tính ác diệt đi; phàm cái gì có sinh có diệt, thì đều là vọng, còn cái không diệt không sinh mới phải là chân, cái chân ấy tức là tính nhất chân tuyệt đối-dĩ, không có thiện ác gì. Song đó là vấn-đề khác và cao-siêu, chúng ta chưa cần bàn đến, chúng ta chỉ nên bàn về vấn-đề «thiện-ác» mà trong Phật-giáo nói thế nào.

Trong kinh Phật nói rằng: «Chúng-sinh lấy 10 điều làm thiện, cũng lấy 10 điều làm ác». Những gì là mười? 1. sát 2. đạo 3. dâm 4. vọng-ngôn 5. ý-ngữ 6. ác-khẩu 7. lưỡng-thiệt 8. tham 9. sân 10. si. Làm theo mười điều ấy là ác, trái lại 10 điều ấy là thiện. Nay chia ra làm từng đoạn để giải nghĩa cho rõ ràng.

### I NÓI VỀ SÁT

Sát nghĩa là sát hại sinh-linh. Loài người ăn chung ở

lộn với nhau, ta cần phải biết thương yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau, không nên mạnh ăn hiếp yếu, lớn ăn thịt bé, cố gắng giữ lấy nền hòa bình cho nhân-loại được vững vàng. Bàn cho rộng thêm ra, thì bên mình còn có loài vật đều là những loài có thức-tình biết tham sống sợ chết như người. Ta cứ xét trong thân ta, khi bị một vết thương, ta còn thấy đau đớn, huống hồ ta giết một loài vật, thì ta cảm thấy đau khổ biết nhường nào! Những người có lòng từ bi chẳng bao giờ giết hại sinh-vật. Sách Nho nói rằng: «Vấn kị thanh bất nhĩn thực kị nhục» Nghĩa là nghe thấy tiếng kêu của loài vật bị giết, thì không bao giờ nỡ ăn thịt của nó.

Nói cho xu nữa, thì kiếp này mình giết nó, kiếp sau nó giết mình. Kinh Lăng-nghiêm nói rằng: «Người mà giết dê, thì kiếp sau người lại phải làm dê, dê lại lên làm người để báo cái oán trước». Như thế thì người ta cứ bị luân-hồi quả báo mãi không thôi. Ta hiểu mà giữ được điều này, tức là tránh khỏi tội ác. Hơn nữa ta lại nên phóng-sinh, nghĩa là ta đem lòng từ-bi để cứu cho loài người hay loài vật được tránh khỏi sự chết.

## II NÓI VỀ ĐẠO

Đạo nghĩa là trộm cắp gian lận của người, phạm vật gì không phải của mình, mà mình tự do lấy, tức là phạm tội đạo. Người ta ở đời cần phải có một nghề-nghiệp, nghĩa là tự mình làm lấy mà ăn, không nên du-đăng phóng-phi, để cho gia-tài hao-tồn, rồi cứ mưu mô chiếm lạm của người. Nói tóm lại, ta mất một vật gì, ta còn nhớ tiếc: xót đau, thế thì ta lấy của người, tất nhiên họ cũng đau xót như thế. Kinh Lục-độ-tập nói rằng: Phật trước là người nghèo túng, mà ngài tự nói rằng: «Ta thù giữ đạo chịu nghèo nàn mà chết, chứ không làm những sự vô-đạo để mưu lấy giàu sang mà sống». Đức Khổng-tử nói rằng: «Bất nghĩa nhi phú thả quý, u ngã như phú vân» Nghĩa là lấy của phi nghĩa mà làm nên giàu sang, với ta coi như mây nổi»

Nói cho rộng thêm ra, thì kiếp này mình lấy của người

điều thanh-tịnh minh-hối của Như-lai, nghĩa là 4 điều dạy bảo sáng-suốt, trong sạch căn-kẻ của Phật-lồ, mà ta cần phải nhớ lấy và làm theo. Phật lại nói rằng: Vì dù có tu hành được tri-ta-đề thiền-định chẳng nữa, mà không giữ giới, cũng chỉ là nghiệp «ma» thôi.

### VIII · NÓI VỀ THAM

Tham nghĩa là tham lam ưa muốn, trong sách có chia ra làm năm, gọi là ngũ-dục. (Hoặc lấy: sắc, thanh, hương, vị, xúc; nhưng lấy: tài, sắc, danh, thực, thụ; thì rõ nghĩa hơn.)

1.) Tham tài, nghĩa là tham lam tiền bạc của người ta; cũng vì lòng tham xui-dục nên bày ra mưu kế để chiếm vườn, chiếm đất, nhà cửa, ruộng nương của người hơn nữa, còn đi trộm cướp, chẳng coi vòng pháp-luật và cái chết là cái gì, cũng vì vậy mà nhiều kẻ bị đánh chết, hoặc bắt được thì tù tội, khổ-sở. Cho nên Phật bảo liền tài là con rắn độc. Sách Nho nói: «Phi tài hại kỷ» Nghĩa là lấy của phi-nghĩa có hại đến mình.

2.) Tham sắc nghĩa là con mắt ưa trông sắc đẹp. Chữ sắc về đạo Phật nói cho rộng ra, thì trong thân-tân, ngoài thế-giới đều là sắc cả, nhưng nói riêng về phần đóy, thì chỉ là cái sắc đẹp mà thôi. Muốn hiểu nghĩa thêm, tôi xin nói một đoạn trong sách Nho để liệt-vị được rõ: Ngày xưa đức Khổng-tử đi xe theo nàng Nam-tử, mà hàng quan họ chế riễu rằng: Kia đạo-đức đi theo cái sắc đẹp ! Ngài ngồi trên xe cũng phải xấu hổ mà than rằng: «Ta chưa thấy ai chuộng đức như chuộng cái sắc đẹp».

Chúng ta hẳn chẳng còn lạ gì xưa nay đã bao nhiêu kẻ bị sắc làm cho nghiêng thành nghiêng nước và tan cửa nát nhà. Trái lại ta không nên tham cái sắc đẹp, như trong Kinh Phật nói. Sách Nho cũng có câu: «Mục bất thị phi lễ chi sắc» Nghĩa là con mắt không nên trông cái sắc trái với lễ-độ.

3.) Tham danh, nghĩa là tham cầu tiếng khen. Về danh đây có chính danh và hư danh. Chính danh nghĩa là những người có tài-năng lại vì nước, vì dân ra giúp việc, mong cho nhân-loại được an-toàn và giang-san cũng-cổ, chứ không phải vì vinh-thân phi-gia để ra làm việc kiếm lợi. Danh như thế là chính-danh, ta nên có.

Hư-danh là cái danh giả-dối hão-huyền, như tài năng mình chưa đủ làm việc, hay không xứng đáng với cái địa vị của mình làm mà cũng ra tranh giành ngôi thứ, danh như thế là hư-danh, không nên có. Sách Nho nói rằng: «Danh bất chính, tắc ngôn bất thuận» Nghĩa là danh không chính-đáng, thì nói không ai theo.

Bàn về cách xử-thế thì vậy, nhưng nói đến chỗ rốt-ráo của đạo thì cần phải ly-danh; như ông Nhan-hời hàng ngày chỉ vui với cái nghèo mà được Khổng-tử khen là hiền-triết. Trong kinh Phật nói: «Người ta theo vọng dục-vọng, mong cầu lấy thanh-danh, đến khi thanh-danh đã rõ-rệt ra, thì mình đã già rồi; cứ tham cái hư-danh ở đời, mà không học đạo, như thế chỉ là uổng công vô-lích. Vì như mình đốt hương, tuy người có ngửi thấy thơm nhưng khi hương cháy hết, thì lửa đã ở tay, làm cho mình nguy vậy.

4.) Tham thực, nghĩa là tham ăn, người ta tuy cần phải có ăn mới sống, nhưng không nên tham. Trong Kinh Phật nói rằng: Các thứ ăn uống đều là ở nơi như bần đem lại, bởi thế cho nên khi ăn không nên tham. Sách Nho nói rằng: «Quân-tử mưu đạo bất mưu thực. Nghĩa là người Quân-tử lo cầu lấy đạo chứ không lo ăn. Phương ngôn tây cũng nói rằng. « ăn để mà sống, chứ không phải sống để mà ăn.»

5.) Tham-thụy, nghĩa là tham ngủ cho nhiều. Người ta tuy cũng cần phải ngủ để di-dưỡng cho thể-phách và tâm-thần, nhưng không nên ngủ quá độ. Sáng sớm ngày bầu không - khí còn yên lặng trong sạch, nên giậy để hít-hấp và vận động, để cho mạch máu được chu-lưu,



như thế mới mong thân-thể được khỏe mạnh mà làm việc, người tu hành cũng không nên ngủ nhiều, vì ngủ nhiều thì tâm-tinh hôn-trầm, chẳng bao giờ tìm thấy chân-lý. Ngày xưa ông A-na-luật-đà hay ngủ, mà Phật mắng là loài ốc loài hến, (loa sư bạng phần). Ông Tề-dư ngủ ngày mà đức Khổng-tử bảo rằng: «Hủ mục bất khả điều, nghĩa là gỗ mục không thể chạm được» Ý ngài nói: Người như thế là không dạy được. Cách-ngôn tây cũng nói rằng: «Giấc ngủ ngày là giấc ngủ không tốt, ai muốn sống đủ trăm năm, thì nghe tiếng gà gáy phải dậy» Phương ngôn ta cũng có câu:

Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa,

Hay đâu đến kẻ say sưa tối ngày.

Trái lại ta nên tỉnh-tiến, dũng mạnh để làm việc và tu hành, để cho đạt tới cái mục-đích mà ta sẽ đến.

Chúng ta đã bị cái nghiệp-duyên mà phải sinh vào cõi «dục-giới» này thì tất cả ai ai cũng không khỏi có lòng dục-vọng, cho đến các loài vật cũng vậy. Nhưng ta nên ly-dục nghĩa là nên li bỏ sự ham muốn ưa thích, mà tiến tu cho đạo-nghiệp được thành. Sách Nho nói rằng «Nhân sở dĩ dị ư cầm thú giả, duy át dục tồn lý nhi dĩ nghĩa là người ta khác hơn cầm thú là chỉ ở chỗ biết nén lòng dục-vọng và giữ được đạo-lý mà thôi»

### IX NÓI VỀ SÂN

Sân nghĩa là giận-dối tức bực, như khi ta gặp một sự gì đưa đến mà không vừa ý thì hay sinh ra giận-dối. Khi máu giận đã bốc lên, thì không còn nghĩ đến điều hay lẽ phải, chỉ muốn lập cách báo-thù cho bỏ ghét. Cũng vì vậy mà ngăn trở bước đường tu tiến và sự nghiệp của mình, cho nên kinh Phật nói rằng: «Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai, nghĩa là một khi lòng giận bốc lên, thì sinh ngay trăm nghìn sự chướng ngại. Trái lại ta nên lấy lòng từ-mẫn và tha-thứ cho người. Trong kinh Phật nói rằng: Những bậc Bồ-tát bị kẻ khác làm sỉ-nhục mình, như thế chẳng những không

giận mà lại còn thương là ngu-si. Sách nho cũng nói rằng: «Nhân bất tri nhi bất uân, bất diệc quân-tử hồ, nghĩa là người không biết mình mà mình không giận, chẳng phải là thái-độ quân-tử là gì. ? Cách-ngôn-lý cũng bảo «Sự nhẫn là vàng» Câu cách ngôn của ta cũng nói như thế. Xem thế thì đủ rõ công dụng của sự nhẫn-lợi-ích biết nhường nào ! Nói tóm-lại ta nên nhẫn-nại cho quen, nếu ta cứ muốn những sự vừa ý của ta thì ít lắm.

### X NÓI VỀ SI

Si là ngu-si mờ ám không biết gì. Tất cả chúng ta đều là chúng-sinh từ kiếp vô-thủy đã vọng động cái tâm «bản giác» mà khởi ra vô-minh vọng-tưởng, rồi cứ theo đuổi cái vọng ấy mà tạo tác ra nghiệp-báo, cho nên mới phải luân-hồi sống chết đến ngày nay. Trong kinh Lăng-nghiêm nói rằng. «Hết thầy chúng-sinh, từ vô-thủy đến nay, sở dĩ bị sống chết mãi mãi, là đều bởi không biết cái chân-tâm thường-trụ và thể tính sáng suốt, cứ dùng những cái vọng-tưởng, vì cái tưởng ấy không phải là chân, cho nên mới có luân-chuyển» Xem thế thì ta đủ rõ đời mê muội của chúng ta là khổ sở, mà cái khổ ấy đã phải chịu từ bao kiếp đến nay. Sở dĩ khổ như vậy là đều bởi lòng ngu-si mê-hoặc tạo-tác ra cả. Nay ta muốn cắt đứt mối khổ ấy, thì ta phải dùng con dao trí-tuệ để đoạn trừ cái màng mộng vô-minh nó là cái nguồn gốc của sự khổ. Song muốn dùng trí-tuệ thì phải làm thế nào ? Thiết tưởng phải nên học Phật. Có học Phật mới biết bến mê mà tránh đường giác mà theo, và mới biết lối tu hành cho đến ngày minh-tâm kiến-tính

### KẾT LUẬN

Người ta ở đời kể về nguyên-nhân tạo ra tội ác thì nhiều, nhưng rút lại có hai điều cần thiết hơn là cơm ăn và áo mặc. Mình muốn cho trong nhà mình được dư-dật, nên mới chiếm-lạm của người.

Nếu ai ai cũng biết hạn chế sự ăn mặc, thì nhân-loại làm gì có cuộc đồ máu thắm-khốc như ngày nay. Cũng

vì vậy mà Phật bảo các đệ-tử phải ăn cơm rau, mặc do vải, nghĩa là ăn uống thanh-dạm và ăn mặc nâu-sông để tránh khỏi sự xa hoa và ngăn ngừa lòng dục-vọng. Trong kinh Phật nói rằng: «Sự ăn uống là cái nhân-duyên làm ngăn trở bước đường tu tiến». Sá-h nhỏ cũng nói rằng: «Sĩ chí u đạo, nhi sĩ ác y ác thực giả, vị túc dữ nghị dã, nghĩa là người đã quyết chí học đạo, mà còn muốn ăn ngon, mặc đẹp, thì chưa đủ cùng bàn vậy».

Thưa liệt-vị giáo-hữu

Chúng ta đã là người tu đạo-Phật thì ta phải tuân theo lời Phật dạy mà làm theo, thì bước đầu tu hãg cốt phải lấy sự bỏ ác làm lành làm căn bản đã. Chúng ta làm được như thế, thì đối với đời này là người đạo đức hoàn-toàn và kiếp sau được hưởng quả-báo tốt lành vậy.

SA-MÔN HƯNG-HÓA

## PHẬT LUẬT HỌC

(Tiếp theo số 161)

Chẳng những là người có theo giáo-pháp của Phật, cả các người ngoài, nếu khởi lòng thành kính lễ bái phụng thờ cũng đều được hưởng phúc báo sinh lên giới đó.

Giới-luật đã tinh nghiêm, phúc thọ lại đầy rộng, ngôi ấy thực đáng làm nền phúc tối-thượng của thế gian, vậy nên chiêu theo từng thứ của Phật với Hiền-thánh mà sẽ đặt lập ra bốn cây bảo-tháp, để làm một chỗ tiêu biểu cho thế-gian quy hướng mà tưởng-vọng cúng-dâng; vua Chuyển-luân nguyên là tại-gia tu theo Phật-luật, tức là một ngôi «thế-gian Đại-thánh, tháp của ngài trừ người xuất-gia còn thì khắp cõi người giới thầy đều lễ thờ được phúc đức lớn; Thanh-văn, Bích-chi là ngôi «xuất-thế hiền-Thánh» tháp của các vị thì cứ từ bậc ngang hàng trở xuống cho đến vua Chuyển-luân cùng tất cả chúng-sinh trong sáu ngã, nếu lễ thờ đều được phúc đức lớn; Phật

là một ngôi «xuất thế-dại-Thánh», tháp báu của Phật thì hết thầy từ 1gôi Tích-chi đỡ xuống, nếu dây lát tin kính lễ thờ hết đều được hưởng phúc đức rất to lớn vậy.

Song nói thế thì dễ nhưng làm được rất khó, bởi vì nghiệp-chươngng đối với đạo-bạnh nó là cừu-địch, nó thường xung-đột mà chần che đi, vì vậy đã sẵn mỗi ác-cảm mà lại là người nặng-nghiệp thì việc đạo rất khó lòng làm nên; bởi thế đến đây mới kết cấu bằng năm điều than, rằng: của quý báu hiếm hoi kia ở đời rất khó có được ! một điều trên cùng chung cho cả số quần-chúng những người bị chướng-ngại không được được gặp Phật-pháp, còn bốn điều dưới hết thuộc từng phạn của mỗi cá-nhân vậy.

Phận sự tu-hành có hai hàng-phẩm; xuất-gia và tại-gia; tại-gia vì là quyền tiếp, phương-pháp của đạo thiếu thốn còn nhiều, cho nên trừ việc tiến-tu ra, trách cứ đồng đạo cũng không kê chi đến; nếu là người xuất-gia thì nhiệm-vụ sẽ gánh nặng-nề, việc hoằng-pháp độ-nhân duy-tri cương-kỷ cho đạo chính là quan-hệ ở trong tay rồi, vậy đạo-thống mà được hưng long hay bị đời bại, đều cứ xét ở những vị chủ-chương ấy có tu được hay không vậy.

Một độ Phật ở trong một khu vườn tên gọi Sà-dầu thuộc thành Ba-là cùng các đệ-tử thuyết-pháp; có một người con nhà lao-động tên là Chu-na, đến lễ yết và hỏi Phật về những thứ thầy tu. Phật bảo:

« Theo như ý người hỏi, Sa-môn gồm có bốn, chỉ thú chẳng giống nhau, phải biết mà phân biệt; 1. Có thứ hành đạo rất mực; 2. thứ giảng đạo nghĩa giỏi; 3. thứ hợp đạo mà làm; 4. thứ làm như cả đạo»

Hỏi ra cho rõ đề biết vàng thau, vì có người tu làm về vàng cho đạo, có người tu chỉ quấy hỏi hỏi nhỏ lại thêm làm cho hỏng nát cả đạo đi. Được như hai thứ nói trên thì là rất tốt mà bốn phạn chính ra phải đến thế, nếu chưa với được nổi ngay thì hãy cứ giữ mực mà hành động lấy những việc thường nhưng nhất nhất cũng phải y theo đúng với luật-pháp của trong đạo dạy; ấy là nói toàn bạc khá cả, còn như những hạng

mượn đạo kiếm ăn hay dở dang, vì đã trót, bình rắng tuy đời lối nhà tu nhưng quanh năm chỉ độc chơi bởi phóng dăng, giới luật chẳng giữ, uy nghi chẳng noi, miễn cho thân miệng được thỏa thích ở đời, còn đầu sống chết mặc bay nhằm mắt lại chẳng cần chi hết, như những kẻ ấy thì ở trong hồn-đạo càng có lắm càng bần đạo nhiều, nếu không đem chỉ chích cho rành cứ để lẫn lộn ai cũng như ai, thì người đời biết đích được ai là kẻ giữ người hay, mà tìm thấy tính-tử phát tâm hướng mộ ?

Song le giới-luật vẫn là quý báu, nếu thụ-tri được thời rất lợi lạc, nhưng đó phải là thứ giới-luật chính-dáng ; vì tà ngoại giới-luật tối ư hại người, nếu vớ được điều gì, hễ thấy là lạ hay hay, chưa sét cùng nguyên ủy, đã vội lầm tưởng cho ngay là giới đấy, luật phép đấy, mà hăm hờ theo làm, giả như trong đó có điều nhằm nhằm, thì có giữ gìn ráo riết đến đâu, rút cục chỉ vô ích khổ thân, phúc lợi gì mà lại còn bị thêm một cái hại lớn, là «đi lạc con đường tâm tưởng» phải sa đọa lưu-chuyển muôn đời là khác nữa.

Một bạn Phật lại bảo các đệ-tử:

«Noi giữ thứ giới-rỗng, thì tâm ý hằng hướng về loài rỗng, những tính-cách nó thế nào đều bắt chước theo làm hết đủ, thế là sau này phải sinh vào loài rỗng ngay; một nghĩa đó suy ra, còn như những thứ giới-chim, giới-thỏ, giới-cú, giới-chó, giới-trâu, giới-hươu, giới - cầm, giới-ma-ny-bà đà, giới-cày, giới-mặt giời, giới mặt giăng, giới-nước, giới-lửa, các lối khờ-hạnh sáng, phép nhơ-nhuộm, phép liều bậy, cũng hết đều như vậy cả».

Nghiệp-duyên lành dữ đều do tâm-hành mà định kết, đã vướng một giống bặt gì sau lại được hưởng những thứ đó ngay, nhân nào quả ấy không sai một chút. Có nhiều thứ ngoại-đạo chế ra lắm thứ giới kỳ-quặc và cách-thức hành-đạo rất lỗ-lãng; như những thứ giới-phép vừa mới kể trên đây, rất là thuộc của mỗi thứ ngoại-đạo. Hãy nói một thứ giới-rỗng, nghĩa là:

đạo ấy đã cho rằng hết thầy muốn vật do ở loài rồng và có làm như rồng thì mới được phúc báo mà sau ông Giáo-chủ sẽ đón tiếp đến với ông để cùng nhau đời đời hưởng thú, cho nên phải kính thờ rồng, phải yêu mến rồng, phải tuân lễ lối đúng như con rồng cử chỉ, vậy nên giới ấy mới gọi là giới rồng; còn các giới kia đại khái cũng như vậy. Tương tự như thế là môn tu tất ai ngồi là mê hoặc hại người, càng mài-miệt tu-luyện bao nhiêu thì lại càng là hi-hại đi dọn lối để bỏ vào ngã ác; ấy những giới-luật giáo-pháp của các bợn tà - ngoại thuần là như vậy, bởi những luật - pháp đó dạy cách mơ hồ, nói liêu nói bậy không hiểu lẽ thực, không hợp đạo-ugiã, không đúng nhân-quả, tức không phải là luật pháp chính-dáng trong-sạch vậy; cho nên nếu nhắm theo phải thì chỉ ồng phí công-lao, cũng một công khó nhọc tu-hành mà lại tu phải thứ luật-pháp tà, khiến nổi mất không thêm trúng bị đọa nữa, thì thực là thiệt hại đau đớn vô-cùng vậy !

Duy có Phật luật là hoàn-toàn viên-mãn, rớt-ráo nhiệm-màu, nếu đã noi theo hết thầy đều được phúc lành giải-thoát. Như trên đã nói, người có con mắt tất phải trông lối mà bước chân, người có trí-khôn tất phải chọn Pháp mà tu học vậy. Từ đây trở lên thuộc phần Chính tông.

## CỬU-KINH TRI

Phần này là hiền nghĩa rớt vào khi đã lĩnh-tụ được các điều kiện ở trên rồi thâm-định mà phê phán cho đến cùng cái nghĩa tri Giới-luật.

Và phần này trong khi có dẫn chứng câu gì, thầy đều cũng trích nguyên ở bản kinh mà bản tu ở đây bản-giới bản-luật, chứ không có lấy quanh ở các bộ người vào.

Thâm-định nghĩa là trước hãy làm thì phạm-giới.

Một hội Phật ở một khu vườn cùng cùng các đệ-tử thuyết pháp; đoạn có rất nhiều các thiện-nam đến cầu thụ năm giới Phật nhân đó dạy bảo năm điều tội lỗi do phạm vào giới luật.

(còn nữa)

Luật-lữ TRI-QUANG

## Phật-học với sự thực-tê

(Tiếp theo số 161)

### Những sự biến hóa của nền tư-tưởng và triết-học của Phật

Đối với người ta, thật là khó lòng mà mỗi khi lại có được một sự sét đoán mới trên một việc làm mới; chẳng tự hiểu mình, họ cứ đi mãi một con đường, có lẽ là vì họ muốn tiết kiệm cái não-lực của họ. Song te, ta sét thấy rằng mọi thời đại, mọi xã hội và đến cả mọi cá-nhân nữa cũng đều phải chịu những sự thay hình đổi dạng, mà do đó người ta bắt buộc phải đương đầu với nó. Nhưng cái lập-tục có khi lại không thể đổi khác được — vì cái bánh xe tâm thường cứ xoay mãi vào, đem sửa đổi lại cái lập-tục thật là một việc cực khó khăn, không tự hiểu mình, hay không kể đến mình cũng có khi, ta lại tự làm nó-lệ cho ta. Ngay như, nghĩ đến những sự biến-hóa triết-học cũng là một việc nặng nề.

Nhờ ở sự may mắn trong khi trầm tư mặc tưởng, hay nhờ ở những sự ảnh hưởng, cũng có khi người ta bỏ hết được mọi tư-tưởng cũ và bỗng đi thẳng vào một con đường khác hẳn; sự biến hóa cấp tiến này hiếm lắm, có lẽ người ta chỉ có thể có được một sự thay đổi thôi chứ một sự biến hóa cấp tiến thì chỉ dành riêng cho các bậc vi-nhân.

Cứ theo lời các tin-dờ thì năm 36 tuổi ngài Cồ-dàm hiểu được cái bt-cơ của sự biến hóa triết-học của ngài; ngày ấy là ngày 8 Décembre. Các Phật-tử gọi sự thay đổi này là Bodhi hay là giác-ngộ; Phật chứng ngôi Chính-giác dưới cây vả — cây bồ đề, nên từ đó hễ đạo-Phật truyền đến nước nào thì người nước ấy hay giồng thứ cây ấy coi như là cái tiêu biểu, và sau khi Phật tịch, cây ấy đã thành một cái thánh hiệu. «Giác-ngộ» hay chứng quả «Bồ-đề» là những nét điển tử của một tâm hồn, và cứ theo một nghĩa đại khái, thì chứng cõi «Niết-bàn», lòng (Bồ-đề) lòng (Giác-ngộ), thành Phật hay Niết-bàn chỉ là những danh từ khác nhau đều dùng để chỉ cái tâm-hồn ấy, và nếu có những cách nói khác nữa để chỉ cái tâm hồn ấy thì chính vì cái tâm-hồn ấy hay sự biến hóa triết

học ấy là cái tinh hoa của đời Phật và của đạo Phật, có lẽ vì điều đó mà đạo Phật có cái tinh cách rất tôn giáo, thì dù, khi Phật mới sinh ra mà đã có ngay một cái địa-vị khác hẳn loài người ; thì đạo Phật lại khác hẳn. Cái lịch sử của sự biến triết học của ngài giữ một phần quan-trọng và chính thiết trong đời ngài, nên chúng ta mới dám nói rằng Ngài sinh ra cũng như người, và khi ngài giác-ngộ được chúng ta mới thấy cái địa-vị thánh hiền của Ngài.

Sự biến-hóa này mà Phật đã thực-lẽ được có những gì ? và sự giác ngộ là thế nào ? cái quý tinh của nó ? Khốn thay chúng ta không có một mẫu di-tích nào để lại mà tay Phật viết ra, thiếu nó thành văn đề này thành sẽ không bàn đến, và chúng ta cũng không biết được rõ ràng Phật giác-ngộ ra sao. Ta có thể nhất định nói rằng không có ai thấu triệt được cái tinh tinh của Phật hay không dám thấu triệt nó không ? Tất cả những điều mà ta được nghe thấy là « sự giác-ngộ của Phật phải là thế này . . . . » hay « tôi được nghe nói như thế này . . . » ; có người lại dám nói rằng đã được nghe nói thế, hoặc trực tiếp tự Phật nói ra hoặc gián-tiếp tự những vị đồ - đệ thật thân của Phật nói ra. Nhưng, nếu có những sự huyền nghĩa khác nhau cho cái nghĩa chữ giác-ngộ, thì điều này cũng không có ngăn ngừa gì đạo Phật tiến bộ ; và chính nhờ đó mà đạo Phật có thể tự do bành trướng được ; nếu cái nghĩa của chữ giác ngộ chỉ có một lối huyền nghĩa thôi, thì đạo Phật sẽ là một tôn-giáo khuôn mẫu, sẽ mất cả cái may mắn được lâu bền qua hàng bao nhiêu thế - kỷ và hơn nữa, nó lại sẽ không có cái linh cách thích - hợp như lịch - sử của nó đã giải nghĩa. Song lẽ, như lối vừa nói, chúng tôi chỉ có những lối huyền - nghĩa của các nhà lược truyện, chứ không có lối huyền nghĩa hẳn của Phật nên mỗi điều cần nghĩa lại phải tùy theo ý riêng của từng người : Do đó mà lập ra các tôn phái. Vậy thì không cứ gì ở Ấn-độ mà ở khắp cả hoàn - cầu, đạo Phật đang sống, như là ở Nhật-bản chẳng hạn



dầu rằng đã trải qua bao nhiêu thế - kỷ, nó không thành một tôn-giáo khuôn mẫu, mà lại là một tôn-giáo tự do, hòa hợp với những sự thí nghiệm ngày nay

Theo như tương truyền thì Phật chừng ngồi chính giác là chỉ vì ngài thực hành thuyết 12 phép nhân-duyên mà tóm lại những phép ấy chỉ là sự huyền-nghĩa triết học của sự sống. Cứ thuyết này thì tất cả cảnh vật trên trái đất, tất cả các sự biết của loài người và sau hết, tất cả các những sự khổ của ta, đều có căn nguyên tự sự mê-làm của người ta. Muốn qua vòng khổ, trước hết ta phải phá sạch sự mê-làm, cái mầm của sự khổ. Đó là một cái đức tính, vì rằng người ta có thể rũ bỏ được hết mọi nỗi khổ, một khi người ta hiểu được cái chân-lý của chân-lý, Ta có thể nói được rằng nhờ ở 12 phép nhân-duyên mà Phật tới ngôi « chính giác » được không ? Cứ lời các bậc cao minh của các đời sau này thì sự mê-làm này có một sức mạnh sống lâu mà người ta có từ đời quá khứ và nó lại có một sức mạnh luân-chuyển hăm người ta vào cái vòng tập thành bởi ba đời quá-khứ, hiện-tại và vị-lai, đó là vòng luân-bồi.

Như vậy, thì ta phải giết trừ sự mê-làm đi mà thoát khỏi luân-hồi, mà vào chỗ « giác-ngộ ». Sự mê-làm là một sức mạnh luân-chuyển thì ta dùng cách gì lo phá hủy được nó ? Từ xưa tới nay vẫn có sự luân-quần trong vấn đề này. Có người tin rằng trong sự giác-ngộ lại có những thần lực có thể soi xét được mọi sinh vật. Nhưng cái nghĩa của sự « giác-ngộ » hay « thành Phật » chỉ là một sự biến hóa tài linh, mà sự biến hóa ấy không phải là cái nghĩa của thế-giới vật-chất. Và lại tôi thấy rằng cái tri-tính với những vật trông thấy không phải là không có liên-lạc; cái tâm và vật trông thấy nối liền với nhau mặc dầu địa vị trái ngược của chúng nó, và, nếu ta thành Phật thì sự biến hóa này tất phải hiện hiện ra ngoài vật; điều này thấy ngay trong sự tư tưởng đối với mọi vật, trong sự quan-sát

chung; chứ nó không phải nghĩa là sự biến hóa ấy xen vào một cách gián tiếp, một cách truyền-diện ngay trên mọi vật. Người ta nói rằng: nhờ ở sự «giác-ngộ» mà ta có thể thoát được sự chết, sự sống, vòng luân-hồi, nhưng nói thế không phải. là ta đời hẳn được sắc thối, được thế giới, được cảnh sát. Không, ta chỉ có thể đã bỏ được những điều lầm lẫn của dĩ-vãng, để đương đầu ngay với thế giới này bằng một cách tư-tưởng khác bằng một cách quan trọng mới, và bằng một lối cảm xúc mới đời được sự sống sự chết nghĩa là ta có một cách tư-tưởng nó cho phép ta coi như ta đã ra ngoài được chúng, cùng những sự đau khổ mà sự sống và sự chết đã gieo cho ta. Các nhà chép sử và các nhà mỹ-thuật đã tả cái cảnh tượng lúc Phật giác-ngộ bằng những phép màu nhiệm hay bằng những phép hàng phục những loài ma-quỷ. Những cảnh tượng này chỉ là những sự tả cảnh theo cái tâm-lý để rạng tỏ sự biến-hóa bề trong của một người đời ngồi chính-giác. Sự giác-ngộ ở trong thân Phật thế-giới bên ngoài không có chịu một chút thay đổi nào cả, không hơn không kém, nó thế nào vẫn thế. Nhưng chính là một cuộc cách mệnh lớn trong đời bên trong của Phật, cách mệnh trong cách tư-tưởng, trong cách nhìn-nhận mọi vật.

Theo thực-lễ thì 12 phép nhân-duyên này, mà vì nó ta giác-ngộ được, nghĩa là gì? Đây lời không cần nói tỷ mỉ vắn đề này, và trước hết lời chỉ nói là con số 12 không có gì là quan-trọng cả. Có thể Phật đã dùng, một con số dưới con số 12 hay con số vô hạn, và biết đâu con số 12 chẳng phải là đã ấn-định nói ra về sau này, khi mà đạo-Phật đã xếp đặt có quy củ. Sự biến hóa cách mệnh của đời Phật thật là cảm động và có lẽ lại đầy linh tính nữa; không bao giờ vi thông thái quá hay vì cứng cõi quá mà sinh ra sự quan trọng của những nguyên tắc thuộc về số, trái lại, chính là một sự thí-nghiệm thiết tha, sốt sắng, không thể quên được; đó là cái tri-tuệ của phép nhân-duyên, một thí-nghiệm tri-tính kỳ dị và lại mới mẻ nữa.

(còn nữa)

Nghiêm-văn Hợi

thì hồn người chết mới không nghe thấy nữa, điều đó chúng ta phải nhớ cho kỹ. Lại có một điều nữa là người vừa mới chết, muốn vàn đừng có lau rửa và thay quần áo cho họ vội, vì rằng lay động đến thân thể họ, trong tâm hồn họ rất là khó chịu, tuy rằng mồm họ không nói ra được, nhưng trong tâm hồn họ thật là phát cáu phát tức. Người mới chết, nầy lòng cáu tức, thì không thể sinh sang cõi Tây-phương được, mà lại vì cái lòng cáu tức nó xô đẩy vào cõi độc-sà-ác-thú nữa. Thế có phải làm hại họ quá lắm không? Vì thế cho nên đối với người sắp chết, những người ở bên hoặc là cha mẹ, anh em hay vợ con bè bạn hay những người có lòng mộ Phật nữa, đều nên cất tiếng niệm Phật cho vui, để giúp họ sinh sang cõi Cực-lạc, thiên vàn đừng có theo thói tục-tục mà làm hại họ, tôi dám khuyên các anh em chị em cứ nghe nhờ tôi mới là yêu nhau thật, giúp nhau thật, chứ như cái lối yêu dẫu giúp đỡ của tục-tinh thì thực là làm hại người chết lắm lắm.

Trên kia tôi đã nói những người chuyên chí niệm Phật đến lúc chết đi, đức A-di-đà-Phật liền cùng các vị Quán-thế-Âm Bồ-tát, Đại-thế-Chí Bồ-tát cầm ngay hoa sen lại tiếp dẫn người ấy tới cõi Tây-phương. Nếu người nào công phu niệm Phật đã thâm, công-đức to lớn thì lại còn có các âm-nhạc trên trời đưa xuống nhà hay tự trên nóc nhà hay ở giữa lưng chừng giới cùng tấu những khúc nhạc cực kỳ êm-dềm vui thích để đón rước đi; có khi thấy cả các Phật, các Bồ-tát xuống tiếp dẫn họ đi, lại tỏa ra mùi thơm sực-nức cả nhà hai ba ngày chưa nhạt hết kia; có khi lại có những ánh tường quang chiếu xuống rực-rỡ cả nhà, hiện ra các hình-tượng rất kỳ quái mà mọi người đều trông thấy, ngửi thấy cả.

Lại như những người chỉ chuyên niệm Phật, cầu cho được tới cõi tây, thì đến ngày sắp chết, Phật hay các vị Bồ-tát tất bảo cho biết trước, cho nên họ hiểu rõ được ngày nào giờ nào là được sang Tây-phương, liền sắp đặt hết các việc nhà đầu ra đấy, lại bảo ban cho các bè bạn thân thích đều biết rồi cứ tới ngày là tắm gội sạch sẽ,

mặc quần mặc áo để dự bị tới giờ các Phật tiếp dẫn sang Tây phương, được thấy đức A-di-đà Phật, đó thật là một cái chết sung-sướng vô cùng. Lại có người nói: «Tôi cũng muốn niệm Phật lắm, nhưng chỉ vì công việc bề bộn, không rỗi công đâu mà niệm Phật đó thôi.» Tôi xin chỉ rõ một cách sau này, mỗi ngày chỉ mất mười mười lăm phút đồng hồ là xong, không có ngại gì đến công việc cả. Và lại ta chỉ chuyên niệm một câu A-di-đà-Phật thì lại càng dễ dàng lắm. Ngay từ lúc ta đi đường, lúc ta đứng, lúc ta ngồi, lúc ta ngủ, lúc ta làm việc, tiện lúc nào ta niệm lúc ấy, thế thì trong một ngày ta niệm một vạn lần hay mấy vạn lần, thực là hay lắm. Nếu không niệm được nhiều thế, thì ta niệm một vài nghìn lượt cũng được, có khó gì đâu?

Thưa các anh em chị em, từ trên tới đây, tôi nói về các lễ vì sao mà phải tu, thật cũng đã nhiều, chắc các anh em chị em đã hiểu thấu cả rồi, nay tôi xin nói về cách tu. Cứ mỗi buổi sáng, giậy sớm, súc miệng, rửa mặt, rồi thắp một nén hương, hai tay chắp trước ngực, nhà có thờ ảnh tượng Phật thì ngồi trước chỗ thờ, bằng không thì cứ ngồi ngoài mặt về phương tây, róc một lòng thờ, mà niệm các danh hiệu Phật như sau này:

Nam-mô Thập-phương thường trụ Tam-bảo.

Rất tiếng lễ một lễ

Nam-mô Tây phương Cực-lạc thế giới đạ-từ đạ-i-bi tiếp dẫn đạo sư A-di-đà-Phật.

Rút tiếng lễ ba lễ rồi đọc tám câu kệ dưới này:

*A-Di-Đà-Phật thân sắc vàng,  
Tướng đẹp rực rỡ không gì bằng,  
Hào quang chiếu tỏ năm tu-di,  
Mắt biển trong suốt bốn bề lớn,  
Hào-quang biến hóa vô-số Phật,  
Hóa các bờ-lát cũng vô-cùng,  
Phát bốn tám nguyện độ chúng-sinh,  
Chín phẩm đều được cùng siêu thăng,*

(Còn nữa)

# VĂN UYÊN

## BÀI CHÚC TỪ LỄ KHAI MÓNG NHÀ TỜ HỘI PHẬT-GIÁO VIENTIANE LAOS

Vừa tuần lễ lừng trời thanh  
Viễn-trần Phật-giáo-lạc-thành từ đây  
Giáng dương nhà thờ đắp xây  
Sóng mê (mekon) bề bấu sần tay chớ chèo,  
Cống duyên của ít lòng nhiều  
Vô tròn quả phúc Việt-kiều Ai-lao  
Bõ công rày ước mai ao  
Bấy lâu tưởng vọng biết bao trẻ già.  
Đạo Phật là đạo nước nhà  
Lý Trần xưa để bao là thiện-duyên,  
Cùng nhau rước một lòng nguyện  
Sây dài cực-lạc dựa nền nhân-sanh  
Ơn trên Phật thấu lòng thành  
Còn nhiều hưởng-thụ để dành mai sau,  
Mong cho nước mạnh dân giàu  
Thoát vòng bát-nạn, qua cầu tam-tai  
Cho hay Phật ở lòng người.  
Có lòng tưởng Phật, Phật ngài không xa,  
Phương Táy đức Phật Di-Đà  
Tỏa sen chín phẩm đợi ta những ngày.  
Săn sàng buồm quẻ chèo mây  
Cùng nhau thiện-lin dắt tay sang dò.  
Bề-trần nhiều nỗi gay go  
Cầm sào giữ lái phải cho vững vàng,  
Reo hò ta kéo nhau sang.

Phật-tử TH. H.

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÔNG ĐỨC CỨNG  
TIỀN LÂM CHÙA HỘI QUÁN  
TRUNG-ƯƠNG

Ở xã Ro-nha, (An-dương, Kiên-an)

Nguyễn Ro, Nguyễn Xôi	1.00
Mai Hoàn	1.00
Mai Tăng	1.00
Nguyễn thị Thục	10.00
Mai Tích	5.00
Nguyễn văn Cốp	1.00
Hoàng Cách, Lương Dự	1.00
Nguyễn Ngân, Lê Cò, Mai vạng	1.00
Tiêu Thoán, thị Ca, thị Dấu, Danh Dừng	1.00
Nguyễn Viên	3.00
Nguyễn Cuông, Nguyễn Đắc	1.00
Nguyễn đình Đông	1.00
Nguyễn đình Huyền	1.00
Nguyễn đình Khích	1.00
Nguyễn Cảnh, Nguyễn Khoa, Tiêu vãng	1.00
Mai trung Trát	2.00
Phạm thị Thanh	1.00
Nguyễn Phú, thị Tòe	1.00
Thị Bích	1.00
Nguyễn Mão, Phạm Kiêm, Nguyễn Hải	1.00
Thị Huyền, thị Năm, thị Chấm, thị Chức	1.00
Phạm văn Trung	1.00
Phạm văn Quy	1.00
Bùi Quán, Mai Bầm	0.80
Cấp trọng Bè đồng gia	2.00
Lê thị Ghê	1.00
Tin lão	5.50

**NGƯỜI CÓ DUYÊN**  
(Tiếp theo trang bìa 2)

---

hiền-lành, từ-lễ, khỏe-mạnh. Cụ tạ-thế ngày 13 tháng 8 ta, hồi 5 giờ chiều. Sở dĩ tôi nhắc đến ngày giờ tạ-thế của cụ, là vì trưa hôm 12 ta, cụ nằm mộng thấy hai vị mặc áo thụng xanh đen báo cho cụ biết hết hạn phải về. Tỉnh dậy, lập tức cụ bảo con cháu rằng: Đến mai hồi năm giờ chiều cụ lịch. Trước khi lên Nam cụ có di chao các bà con quen biết ở lại cụ về. Mọi người đều ngạc nhiên và không tin lời nói của cụ là thật, cho là mê tin. Hồi 7 giờ chiều hôm 12 ta thì cụ tới nhà ông Vũ-công-Lân số nhà 334 phố hàng Cột Nam định là cháu cụ, khi cụ tới nơi mọi người cười mà nói cụ chết thế nào được; là vì khi đó cụ đi lại nói chuyện như thường, nhất là cụ luôn luôn lần tràng niệm Phật. Sang ngày mười ba cụ nằm niệm Phật cả ngày. Vào quãng bốn giờ chiều cụ bỗng nhiên ngồi ngay dậy, và nói to lên rằng: Lấy đức Quán âm bồ-tát con xin đi đây ạ. Cụ còn giận nói cho con trưởng là ông Nguyễn văn Vinh khi cụ tịch không được sát - sinh, đi đưa không được khóc, con cháu phải niệm Phật luôn luôn, một sự chết và một đám ma rất lạ chưa từng thấy bao giờ.

Hiện nay gia-quyển cụ đang ở Cờ-lễ. Cụ bà năm nay 60 tuổi. Cụ sinh hạ được 3 người con trai bốn con gái

Con trưởng cụ là ông Nguyễn văn Vinh hiện đang giúp việc cho tờ Đuốc-tuệ.

Con thứ hai cụ là sa-môn Văn-tuệ, hiện tu tại chùa Văn-tuệ Hải-dương.

Con thứ ba còn bé. Còn các bà con gái nay đã thành gia thất cả.

Bài tường thuật tôi viết ra đây xin chư Phật chứng-minh cho không giám nói sai.

**Nam-mô A-Di-Đà-Phật.**  
Trần-ngọc-Lâm (tường-thuyết)

# HIỆP THO

(Phương danh các vị đã trả tiền báo bằng Mandats)

Mme, Hoan Hải-dương	1\$50
Mme veuve Phạm đăng Long Phanrang	1.50
M. Nguyễn văn Cúc Hải dương	1.50
M. Nguyễn văn Quyên Trà-vinh	1.50
Mrs Quanh Hoanh, Quang Huy, Minh Quang Phanrang	2.00
M. Võ chánh Nguyễn Moncay	2.00
M. Hồ văn Quít Lapvo	3.00
M. Dương đình Tiến Saigon	1,50
M. Vũ Vang Nam định	1,50

## TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

Mme Đinh thị Khang, ở 16 phố Carreau Hanoi, viên-tịch ngày 16 - 9 - 1941

Nguyễn thị Thịnh, 82 hàng Bạc Hanoi viên-tịch ngày 6 Septembre 1941

Trần thị Hạ, hội viên chi hội Nam-sách (Haidương) viên-tịch ngày 10 tháng 7 năm Tân-ty 1941

Đào thị Dung, hội viên chi hội Phật-giáo Phục-lễ (Thủy-nguyên Kiến-an) viên tịch ngày 10 tháng 7 năm (Tân-ty (1944).

Vũ thị Mùi, Ninh-giang, Hải-dương, viên-tịch ngày 5 Aout 1941.

MM. Nguyễn trung Kinh 35 phố Phúc-kiến Hanoi, viên tịch ngày 13 - 9 - 41

Đỗ trung Phúng, Cờ-am Hải-dương, viên-tịch ngày 20 Aout 1941.

Nguyễn hữu Thanh, phân sự nha thương chính, 29 Ngõ Tân-hưng Hanoi, viên-tịch ngày 8 Septembre 1941

Phạm Trang, tham-tá hưu-trí, viên-tịch ngày 25 - 10 41, 72 Phố cầu gỗ Hanoi